

Lưu ý:

Tuần 1: 30/06-> 06/07

Tuần 4: 22/07-> 28/07

Tiết 12345-----

Buổi sáng

Tuần 2: 07/06-> 14/07

Tuần 5: 28/07-> 03/08

Tiết -----78901-----

Buổi chiều

Tuần 3: 15/07-> 21/07

Tuần 3: 04/08-> 10/08

Tiết -----3456

Buổi tối



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In X5126

Thời Khóa Biểu Lớp Hè

Học Kỳ 3 - Năm Học 07-08

Lớp: HOCHÉ

Trang 1

STT	Mã MH	Nhóm	TH	NL	Tên môn học	Số Tiết	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Lớp	Sĩ số SV	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456
1	00101	01			Chủ nghĩa khoa học xã hội	5			2	HOCHÉ	49	12345-----	TV101	34
2	00101	01			Chủ nghĩa khoa học xã hội	5			3	HOCHÉ	49	12345-----	TV101	34
3	00101	01			Chủ nghĩa khoa học xã hội	5			4	HOCHÉ	49	12345-----	TV101	34
4	00101	01			Chủ nghĩa khoa học xã hội	5			5	HOCHÉ	49	12345-----	TV101	34
5	00101	01			Chủ nghĩa khoa học xã hội	5			6	HOCHÉ	49	12345-----	TV101	34
6	00101	01			Chủ nghĩa khoa học xã hội	5			7	HOCHÉ	49	12345-----	TV101	34
7	00102	01			Kinh tế chính trị	5			2	HOCHÉ	131	-----78901-----	TV101	34
8	00102	01			Kinh tế chính trị	5			3	HOCHÉ	131	-----78901-----	TV101	34
9	00102	01			Kinh tế chính trị	5			4	HOCHÉ	131	-----78901-----	TV101	34
10	00102	01			Kinh tế chính trị	5			5	HOCHÉ	131	-----78901-----	TV101	34
11	00102	01			Kinh tế chính trị	5			6	HOCHÉ	131	-----78901-----	TV101	34
12	00102	01			Kinh tế chính trị	5			7	HOCHÉ	131	-----78901-----	TV101	34
13	00103	01			Lịch sử HTKT	5			2	HOCHÉ	35	12345-----	RD101	3
14	00103	01			Lịch sử HTKT	5			3	HOCHÉ	35	12345-----	RD101	3
15	00103	01			Lịch sử HTKT	5			4	HOCHÉ	35	12345-----	RD101	3
16	00103	01			Lịch sử HTKT	5			5	HOCHÉ	35	12345-----	RD101	3
17	00103	01			Lịch sử HTKT	5			6	HOCHÉ	35	12345-----	RD101	3
18	00103	01			Lịch sử HTKT	5			7	HOCHÉ	35	12345-----	RD101	3
19	00104	01			Lịch sử Đảng CSVN	4			2	HOCHÉ	30	-----3456	RD301	34
20	00104	01			Lịch sử Đảng CSVN	4			3	HOCHÉ	30	-----3456	RD301	34
21	00104	01			Lịch sử Đảng CSVN	4			4	HOCHÉ	30	-----3456	RD301	34
22	00104	01			Lịch sử Đảng CSVN	4			5	HOCHÉ	30	-----3456	RD301	34
23	00104	01			Lịch sử Đảng CSVN	4			6	HOCHÉ	30	-----3456	RD301	34
24	00104	01			Lịch sử Đảng CSVN	4			7	HOCHÉ	30	-----3456	RD301	34
25	00106	01			Triết học Mác-Lênin	5			2	HOCHÉ	29	12345-----	RD103	34

Thời Khóa Biểu Lớp Hè

Lớp: HOCHÉ

Trang 2

STT	Mã MH	Nhóm	TH	NL	Tên môn học	Số Tiết	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Lớp	Sĩ số SV	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456
26	00106	01			Triết học Mác-Lênin	5			3	HOCHÉ	29	12345-----	RD103	34
27	00106	01			Triết học Mác-Lênin	5			4	HOCHÉ	29	12345-----	RD103	34
28	00106	01			Triết học Mác-Lênin	5			5	HOCHÉ	29	12345-----	RD103	34
29	00106	01			Triết học Mác-Lênin	5			6	HOCHÉ	29	12345-----	RD103	34
30	00106	01			Triết học Mác-Lênin	5			7	HOCHÉ	29	12345-----	RD103	34
31	00107	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	4			2	HOCHÉ	40	-----3456	RD302	34
32	00107	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	4			3	HOCHÉ	40	-----3456	RD302	34
33	00107	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	4			4	HOCHÉ	40	-----3456	RD302	34
34	00107	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	4			5	HOCHÉ	40	-----3456	RD302	34
35	00107	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	4			6	HOCHÉ	40	-----3456	RD302	34
36	00107	01			Tư tưởng Hồ Chí Minh	4			7	HOCHÉ	40	-----3456	RD302	34
37	00112	01			Kinh tế chính trị 2	5			2	HOCHÉ	29	-----78901-----	RD102	3
38	00112	01			Kinh tế chính trị 2	5			3	HOCHÉ	29	-----78901-----	RD102	3
39	00112	01			Kinh tế chính trị 2	5			4	HOCHÉ	29	-----78901-----	RD102	3
40	00112	01			Kinh tế chính trị 2	5			5	HOCHÉ	29	-----78901-----	RD102	3
41	00112	01			Kinh tế chính trị 2	5			6	HOCHÉ	29	-----78901-----	RD102	3
42	00112	01			Kinh tế chính trị 2	5			7	HOCHÉ	29	12345-----	RD102	3
43	00112	01			Kinh tế chính trị 2	5			7	HOCHÉ	29	-----78901-----	RD102	3
44	00112	01			Kinh tế chính trị 2	5			8	HOCHÉ	29	12345-----	RD102	3
45	00112	01			Kinh tế chính trị 2	5			8	HOCHÉ	29	-----78901-----	RD102	3
46	02101	02		2	Toán cao cấp 1-K	5			2	HOCHÉ	120	12345-----	PV323	6
47	02101	02		2	Toán cao cấp 1-K	5			2	HOCHÉ	120	-----78901-----	PV323	6
48	02101	02		2	Toán cao cấp 1-K	5			3	HOCHÉ	120	12345-----	PV323	6
49	02101	02		2	Toán cao cấp 1-K	5			4	HOCHÉ	120	12345-----	PV323	6
50	02101	02		2	Toán cao cấp 1-K	5			4	HOCHÉ	120	-----78901-----	PV323	6
51	02101	02		2	Toán cao cấp 1-K	5			5	HOCHÉ	120	12345-----	PV323	6
52	02101	02		2	Toán cao cấp 1-K	5			6	HOCHÉ	120	12345-----	PV323	6
53	02101	02		2	Toán cao cấp 1-K	5			6	HOCHÉ	120	-----78901-----	PV323	6
54	02101	02		2	Toán cao cấp 1-K	5			7	HOCHÉ	120	12345-----	PV323	6
55	02101	03		3	Toán cao cấp 1-K	5			2	HOCHÉ	120	12345-----	TV101	6
56	02101	03		3	Toán cao cấp 1-K	5			2	HOCHÉ	120	-----78901-----	TV101	6
57	02101	03		3	Toán cao cấp 1-K	5			3	HOCHÉ	120	12345-----	TV101	6

Thời Khóa Biểu Lớp Hè

Lớp: HOCHE

Trang 3

STT	Mã MH	Nhóm	TH	NL	Tên môn học	Số Tiết	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Lớp	Sĩ số SV	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456
58	02101	03		3	Toán cao cấp 1-K	5			4	HOCHE	120	12345-----	TV101	6
59	02101	03		3	Toán cao cấp 1-K	5			4	HOCHE	120	-----78901-----	TV101	6
60	02101	03		3	Toán cao cấp 1-K	5			5	HOCHE	120	12345-----	TV101	6
61	02101	03		3	Toán cao cấp 1-K	5			6	HOCHE	120	12345-----	TV101	6
62	02101	03		3	Toán cao cấp 1-K	5			6	HOCHE	120	-----78901-----	TV101	6
63	02101	03		3	Toán cao cấp 1-K	5			7	HOCHE	120	12345-----	TV101	6
64	02101	04		4	Toán cao cấp 1-K	5			2	HOCHE	120	12345-----	TV102	6
65	02101	04		4	Toán cao cấp 1-K	5			2	HOCHE	120	-----78901-----	TV102	6
66	02101	04		4	Toán cao cấp 1-K	5			3	HOCHE	120	12345-----	TV102	6
67	02101	04		4	Toán cao cấp 1-K	5			4	HOCHE	120	12345-----	TV102	6
68	02101	04		4	Toán cao cấp 1-K	5			4	HOCHE	120	-----78901-----	TV102	6
69	02101	04		4	Toán cao cấp 1-K	5			5	HOCHE	120	12345-----	TV102	6
70	02101	04		4	Toán cao cấp 1-K	5			6	HOCHE	120	12345-----	TV102	6
71	02101	04		4	Toán cao cấp 1-K	5			6	HOCHE	120	-----78901-----	TV102	6
72	02101	04		4	Toán cao cấp 1-K	5			7	HOCHE	120	12345-----	TV102	6
73	02103	01			Bài tập Toán A	5			6	HOCHE	57	12345-----	I7	2
74	02103	01			Bài tập Toán A	5			6	HOCHE	57	-----78901-----	I7	2
75	02103	01			Bài tập Toán A	5			7	HOCHE	57	12345-----	I7	2
76	02103	01			Bài tập Toán A	5			7	HOCHE	57	-----78901-----	I7	2
77	02108	01		1	Toán cao cấp A1	4			2	HOCHE	130	-----3456	TV301	34
78	02108	01		1	Toán cao cấp A1	4			3	HOCHE	130	-----3456	TV301	34
79	02108	01		1	Toán cao cấp A1	4			4	HOCHE	130	-----3456	TV301	34
80	02108	01		1	Toán cao cấp A1	4			5	HOCHE	130	-----3456	TV301	34
81	02108	01		1	Toán cao cấp A1	4			6	HOCHE	130	-----3456	TV301	34
82	02108	01		1	Toán cao cấp A1	4			7	HOCHE	130	-----3456	TV301	34
83	02108	01		1	Toán cao cấp A1	5			8	HOCHE	130	12345-----	TV301	34
84	02108	02		2	Toán cao cấp A1	4			2	HOCHE	130	-----3456	TV302	34
85	02108	02		2	Toán cao cấp A1	4			3	HOCHE	130	-----3456	TV302	34
86	02108	02		2	Toán cao cấp A1	4			4	HOCHE	130	-----3456	TV302	34
87	02108	02		2	Toán cao cấp A1	4			5	HOCHE	130	-----3456	TV302	34
88	02108	02		2	Toán cao cấp A1	4			6	HOCHE	130	-----3456	TV302	34
89	02108	02		2	Toán cao cấp A1	4			7	HOCHE	130	-----3456	TV302	34

Thời Khóa Biểu Lớp Hè

Lớp: HOCHE

Trang 4

STT	Mã MH	Nhóm	TH	NL	Tên môn học	Số Tiết	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Lớp	Sĩ số SV	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456
90	02108	02		2	Toán cao cấp A1	5			8	HOCHE	130	12345-----	TV302	34
91	02108	03		3	Toán cao cấp A1	4			2	HOCHE	130	-----3456	TV303	34
92	02108	03		3	Toán cao cấp A1	4			3	HOCHE	130	-----3456	TV303	34
93	02108	03		3	Toán cao cấp A1	4			4	HOCHE	130	-----3456	TV303	34
94	02108	03		3	Toán cao cấp A1	4			5	HOCHE	130	-----3456	TV303	34
95	02108	03		3	Toán cao cấp A1	4			6	HOCHE	130	-----3456	TV303	34
96	02108	03		3	Toán cao cấp A1	4			7	HOCHE	130	-----3456	TV303	34
97	02108	03		3	Toán cao cấp A1	5			8	HOCHE	130	12345-----	TV303	34
98	02109	01			Toán cao cấp A2	0			*	HOCHE	33			6
99	02110	01			Toán cao cấp A3	0			*	HOCHE	123			6
100	02111	01		1	Toán cao cấp A4	0			*	HOCHE	150			6
101	02111	02		2	Toán cao cấp A4	0			*	HOCHE	150			6
102	02112	01		1	Toán cao cấp B1	5			2	HOCHE	150	12345-----	PV327	6
103	02112	01		1	Toán cao cấp B1	5			2	HOCHE	150	-----78901-----	PV327	6
104	02112	01		1	Toán cao cấp B1	5			3	HOCHE	150	12345-----	PV327	6
105	02112	01		1	Toán cao cấp B1	5			4	HOCHE	150	12345-----	PV327	6
106	02112	01		1	Toán cao cấp B1	5			4	HOCHE	150	-----78901-----	PV327	6
107	02112	01		1	Toán cao cấp B1	5			5	HOCHE	150	12345-----	PV327	6
108	02112	01		1	Toán cao cấp B1	5			6	HOCHE	150	12345-----	PV327	6
109	02112	01		1	Toán cao cấp B1	5			6	HOCHE	150	-----78901-----	PV327	6
110	02112	01		1	Toán cao cấp B1	5			7	HOCHE	150	12345-----	PV327	6
111	02112	03		2	Toán cao cấp B1	5			2	HOCHE	150	12345-----	TV301	6
112	02112	03		2	Toán cao cấp B1	5			2	HOCHE	150	-----78901-----	TV301	6
113	02112	03		2	Toán cao cấp B1	5			3	HOCHE	150	12345-----	TV301	6
114	02112	03		2	Toán cao cấp B1	5			4	HOCHE	150	12345-----	TV301	6
115	02112	03		2	Toán cao cấp B1	5			4	HOCHE	150	-----78901-----	TV301	6
116	02112	03		2	Toán cao cấp B1	5			5	HOCHE	150	12345-----	TV301	6
117	02112	03		2	Toán cao cấp B1	5			6	HOCHE	150	12345-----	TV301	6
118	02112	03		2	Toán cao cấp B1	5			6	HOCHE	150	-----78901-----	C200	6
119	02112	03		2	Toán cao cấp B1	5			7	HOCHE	150	12345-----	TV301	6
120	02112	04		3	Toán cao cấp B1	5			2	HOCHE	150	12345-----	C200	6
121	02112	04		3	Toán cao cấp B1	5			2	HOCHE	150	-----78901-----	C200	6

Thời Khóa Biểu Lớp Hè

Lớp: HOCHE

Trang 5

STT	Mã MH	Nhóm	TH	NL	Tên môn học	Số Tiết	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Lớp	Sĩ số SV	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456
122	02112	04		3	Toán cao cấp B1	5			3	HOCHE	150	12345-----	C200	6
123	02112	04		3	Toán cao cấp B1	5			4	HOCHE	150	12345-----	C200	6
124	02112	04		3	Toán cao cấp B1	5			4	HOCHE	150	-----78901-----	C200	6
125	02112	04		3	Toán cao cấp B1	5			5	HOCHE	150	12345-----	C200	6
126	02112	04		3	Toán cao cấp B1	5			6	HOCHE	150	12345-----	C200	6
127	02112	04		3	Toán cao cấp B1	5			6	HOCHE	150	-----78901-----	TV301	6
128	02112	04		3	Toán cao cấp B1	5			7	HOCHE	150	12345-----	C200	6
129	02112	05		4	Toán cao cấp B1	5			2	HOCHE	150	12345-----	TV103	6
130	02112	05		4	Toán cao cấp B1	5			2	HOCHE	150	-----78901-----	TV103	6
131	02112	05		4	Toán cao cấp B1	5			3	HOCHE	150	12345-----	TV103	6
132	02112	05		4	Toán cao cấp B1	5			4	HOCHE	150	12345-----	TV103	6
133	02112	05		4	Toán cao cấp B1	5			4	HOCHE	150	-----78901-----	TV103	6
134	02112	05		4	Toán cao cấp B1	5			5	HOCHE	150	12345-----	TV103	6
135	02112	05		4	Toán cao cấp B1	5			6	HOCHE	150	12345-----	TV103	6
136	02112	05		4	Toán cao cấp B1	5			6	HOCHE	150	-----78901-----	TV103	6
137	02112	05		4	Toán cao cấp B1	5			7	HOCHE	150	12345-----	TV103	6
138	02113	01			Toán cao cấp B2	0			*	HOCHE	92			6
139	02114	01			Toán cao cấp C1	4			2	HOCHE	92	-----3456	TV101	34
140	02114	01			Toán cao cấp C1	4			3	HOCHE	92	-----3456	TV101	34
141	02114	01			Toán cao cấp C1	4			4	HOCHE	92	-----3456	TV101	34
142	02114	01			Toán cao cấp C1	4			5	HOCHE	92	-----3456	TV101	34
143	02114	01			Toán cao cấp C1	4			6	HOCHE	92	-----3456	TV101	34
144	02114	01			Toán cao cấp C1	4			7	HOCHE	92	-----3456	TV101	34
145	02114	01			Toán cao cấp C1	5			8	HOCHE	92	12345-----	TV101	34
146	02115	01			Toán cao cấp C2	0			*	HOCHE	85			6
147	02117	01		1	Xác suất thống kê A	4			2	HOCHE	120	-----3456	TV101	6
148	02117	01		1	Xác suất thống kê A	5			3	HOCHE	120	-----78901-----	PV323	6
149	02117	01		1	Xác suất thống kê A	4			3	HOCHE	120	-----3456	TV101	6
150	02117	01		1	Xác suất thống kê A	4			4	HOCHE	120	-----3456	TV101	6
151	02117	01		1	Xác suất thống kê A	5			5	HOCHE	120	-----78901-----	PV323	6
152	02117	01		1	Xác suất thống kê A	4			5	HOCHE	120	-----3456	TV101	6
153	02117	01		1	Xác suất thống kê A	5			6	HOCHE	120	-----78901-----	TV302	6

Thời Khóa Biểu Lớp Hè

Lớp: HOCHE

Trang 6

STT	Mã MH	Nhóm	TH	NL	Tên môn học	Số Tiết	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Lớp	Sĩ số SV	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456
154	02117	01		1	Xác suất thống kê A	4			6	HOCHE	120	-----3456	TV101	6
155	02117	01		1	Xác suất thống kê A	5			7	HOCHE	120	-----78901-----	PV323	6
156	02117	01		1	Xác suất thống kê A	4			7	HOCHE	120	-----3456	TV101	6
157	02117	01		1	Xác suất thống kê A	5			8	HOCHE	120	12345-----	TV101	6
158	02117	02		2	Xác suất thống kê A	4			2	HOCHE	120	-----3456	TV103	6
159	02117	02		2	Xác suất thống kê A	5			3	HOCHE	120	-----78901-----	TV101	6
160	02117	02		2	Xác suất thống kê A	4			3	HOCHE	120	-----3456	TV103	6
161	02117	02		2	Xác suất thống kê A	4			4	HOCHE	120	-----3456	TV103	6
162	02117	02		2	Xác suất thống kê A	5			5	HOCHE	120	-----78901-----	TV101	6
163	02117	02		2	Xác suất thống kê A	4			5	HOCHE	120	-----3456	TV103	6
164	02117	02		2	Xác suất thống kê A	4			6	HOCHE	120	-----3456	TV103	6
165	02117	02		2	Xác suất thống kê A	5			7	HOCHE	120	-----78901-----	TV101	6
166	02117	02		2	Xác suất thống kê A	4			7	HOCHE	120	-----3456	TV103	6
167	02117	02		2	Xác suất thống kê A	5			8	HOCHE	120	12345-----	PV323	6
168	02117	02		2	Xác suất thống kê A	5			8	HOCHE	120	-----78901-----	PV323	6
169	02117	03		3	Xác suất thống kê A	4			2	HOCHE	120	-----3456	TV102	6
170	02117	03		3	Xác suất thống kê A	5			3	HOCHE	120	-----78901-----	TV102	6
171	02117	03		3	Xác suất thống kê A	4			3	HOCHE	120	-----3456	TV102	6
172	02117	03		3	Xác suất thống kê A	4			4	HOCHE	120	-----3456	TV102	6
173	02117	03		3	Xác suất thống kê A	5			5	HOCHE	120	-----78901-----	TV102	6
174	02117	03		3	Xác suất thống kê A	4			5	HOCHE	120	-----3456	TV102	6
175	02117	03		3	Xác suất thống kê A	4			6	HOCHE	120	-----3456	TV102	6
176	02117	03		3	Xác suất thống kê A	5			7	HOCHE	120	-----78901-----	TV102	6
177	02117	03		3	Xác suất thống kê A	4			7	HOCHE	120	-----3456	TV102	6
178	02117	03		3	Xác suất thống kê A	5			8	HOCHE	120	12345-----	TV102	6
179	02117	03		3	Xác suất thống kê A	5			8	HOCHE	120	-----78901-----	TV102	6
180	02124	01			Toán cao cấp B1	4			2	HOCHE	63	-----3456	RD303	6
181	02124	01			Toán cao cấp B1	4			3	HOCHE	63	-----3456	RD303	6
182	02124	01			Toán cao cấp B1	4			4	HOCHE	63	-----3456	RD303	6
183	02124	01			Toán cao cấp B1	4			5	HOCHE	63	-----3456	RD303	6
184	02124	01			Toán cao cấp B1	4			6	HOCHE	63	-----3456	RD303	6
185	02124	01			Toán cao cấp B1	4			7	HOCHE	63	-----3456	RD303	6

Thời Khóa Biểu Lớp Hè

Lớp: HOCHE

Trang 7

STT	Mã MH	Nhóm	TH	NL	Tên môn học	Số Tiết	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Lớp	Sĩ số SV	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456
186	02201	01			Thí nghiệm Lý	5			5	HOCHE	74	12345-----	TNLY	3
187	02201	01			Thí nghiệm Lý	5			5	HOCHE	74	-----78901-----	TNLY	3
188	02201	01			Thí nghiệm Lý	5			6	HOCHE	74	12345-----	TNLY	3
189	02201	01			Thí nghiệm Lý	5			6	HOCHE	74	-----78901-----	TNLY	3
190	02201	01			Thí nghiệm Lý	5			7	HOCHE	74	12345-----	TNLY	3
191	02201	01			Thí nghiệm Lý	5			7	HOCHE	74	-----78901-----	TNLY	3
192	02202	01		1	Vật Lý đại cương B1	5			2	HOCHE	130	12345-----	C200	45
193	02202	01		1	Vật Lý đại cương B1	5			2	HOCHE	130	-----78901-----	C200	45
194	02202	01		1	Vật Lý đại cương B1	5			3	HOCHE	130	12345-----	C200	45
195	02202	01		1	Vật Lý đại cương B1	5			3	HOCHE	130	-----78901-----	C200	45
196	02202	01		1	Vật Lý đại cương B1	5			4	HOCHE	130	12345-----	C200	45
197	02202	01		1	Vật Lý đại cương B1	5			4	HOCHE	130	-----78901-----	C200	45
198	02202	02		2	Vật Lý đại cương B1	5			2	HOCHE	130	12345-----	PV327	45
199	02202	02		2	Vật Lý đại cương B1	5			2	HOCHE	130	-----78901-----	PV327	45
200	02202	02		2	Vật Lý đại cương B1	5			3	HOCHE	130	12345-----	PV327	45
201	02202	02		2	Vật Lý đại cương B1	5			3	HOCHE	130	-----78901-----	PV327	45
202	02202	02		2	Vật Lý đại cương B1	5			4	HOCHE	130	12345-----	PV327	45
203	02202	02		2	Vật Lý đại cương B1	5			4	HOCHE	130	-----78901-----	PV327	45
204	02202	03		3	Vật Lý đại cương B1	5			2	HOCHE	130	12345-----	PV400	45
205	02202	03		3	Vật Lý đại cương B1	5			2	HOCHE	130	-----78901-----	PV400	45
206	02202	03		3	Vật Lý đại cương B1	5			3	HOCHE	130	12345-----	PV400	45
207	02202	03		3	Vật Lý đại cương B1	5			3	HOCHE	130	-----78901-----	PV400	45
208	02202	03		3	Vật Lý đại cương B1	5			4	HOCHE	130	12345-----	PV400	45
209	02202	03		3	Vật Lý đại cương B1	5			4	HOCHE	130	-----78901-----	PV400	45
210	02203	01		1	Vật lý đại cương A1	5			2	HOCHE	170	12345-----	TV103	34
211	02203	01		1	Vật lý đại cương A1	5			2	HOCHE	170	-----78901-----	TV103	34
212	02203	01		1	Vật lý đại cương A1	5			3	HOCHE	170	12345-----	TV103	34
213	02203	01		1	Vật lý đại cương A1	5			3	HOCHE	170	-----78901-----	TV103	34
214	02203	01		1	Vật lý đại cương A1	5			4	HOCHE	170	12345-----	TV103	34
215	02203	01		1	Vật lý đại cương A1	5			4	HOCHE	170	-----78901-----	TV103	34
216	02203	02		2	Vật lý đại cương A1	5			2	HOCHE	170	12345-----	TV202	34
217	02203	02		2	Vật lý đại cương A1	5			2	HOCHE	170	-----78901-----	TV202	34

Thời Khóa Biểu Lớp Hè

Lớp: HOCHE

Trang 8

STT	Mã MH	Nhóm	TH	NL	Tên môn học	Số Tiết	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Lớp	Sĩ số SV	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456
218	02203	02		2	Vật lý đại cương A1	5			3	HOCHE	170	12345-----	TV202	34
219	02203	02		2	Vật lý đại cương A1	5			3	HOCHE	170	-----78901-----	TV202	34
220	02203	02		2	Vật lý đại cương A1	5			4	HOCHE	170	12345-----	TV202	34
221	02203	02		2	Vật lý đại cương A1	5			4	HOCHE	170	-----78901-----	TV202	34
222	02204	01			Vật lý đại cương A2	0			*	HOCHE	30			456
223	02205	01			Vật lý đại cương A3	0			*	HOCHE	124			456
224	02206	01			Vật lý đại cương B2	0			*	HOCHE	36			456
225	02301	01		1	Hóa đại cương A	5			5	HOCHE	130	12345-----	TV102	34
226	02301	01		1	Hóa đại cương A	5			5	HOCHE	130	-----78901-----	TV102	34
227	02301	01		1	Hóa đại cương A	5			6	HOCHE	130	12345-----	TV102	34
228	02301	01		1	Hóa đại cương A	5			6	HOCHE	130	-----78901-----	TV102	34
229	02301	01		1	Hóa đại cương A	5			7	HOCHE	130	12345-----	TV102	34
230	02301	01		1	Hóa đại cương A	5			7	HOCHE	130	-----78901-----	TV102	34
231	02301	02		2	Hóa đại cương A	5			5	HOCHE	130	12345-----	TV302	34
232	02301	02		2	Hóa đại cương A	5			5	HOCHE	130	-----78901-----	TV302	34
233	02301	02		2	Hóa đại cương A	5			6	HOCHE	130	12345-----	TV302	34
234	02301	02		2	Hóa đại cương A	5			6	HOCHE	130	-----78901-----	TV302	34
235	02301	02		2	Hóa đại cương A	5			7	HOCHE	130	12345-----	TV302	34
236	02301	02		2	Hóa đại cương A	5			7	HOCHE	130	-----78901-----	TV302	34
237	02302	02		1	Hóa đại cương B1	5			5	HOCHE	160	12345-----	TV202	34
238	02302	02		1	Hóa đại cương B1	5			5	HOCHE	160	-----78901-----	TV202	34
239	02302	02		1	Hóa đại cương B1	5			6	HOCHE	160	12345-----	TV202	34
240	02302	02		1	Hóa đại cương B1	5			6	HOCHE	160	-----78901-----	TV202	34
241	02302	02		1	Hóa đại cương B1	5			7	HOCHE	160	12345-----	TV202	34
242	02302	02		1	Hóa đại cương B1	5			7	HOCHE	160	-----78901-----	TV202	34
243	02302	03		2	Hóa đại cương B1	5			5	HOCHE	160	12345-----	TV103	34
244	02302	03		2	Hóa đại cương B1	5			5	HOCHE	160	-----78901-----	TV103	34
245	02302	03		2	Hóa đại cương B1	5			6	HOCHE	160	12345-----	TV103	34
246	02302	03		2	Hóa đại cương B1	5			6	HOCHE	160	-----78901-----	TV103	34
247	02302	03		2	Hóa đại cương B1	5			7	HOCHE	160	12345-----	TV103	34
248	02302	03		2	Hóa đại cương B1	5			7	HOCHE	160	-----78901-----	TV103	34
249	02302	04		3	Hóa đại cương B1	5			5	HOCHE	160	12345-----	PV400	34

Thời Khóa Biểu Lớp Hè

Lớp: HOCHE

Trang 9

STT	Mã MH	Nhóm	TH	NL	Tên môn học	Số Tiết	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Lớp	Sĩ số SV	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456
250	02302	04		3	Hóa đại cương B1	5			5	HOCHE	160	-----78901-----	PV400	34
251	02302	04		3	Hóa đại cương B1	5			6	HOCHE	160	12345-----	PV400	34
252	02302	04		3	Hóa đại cương B1	5			6	HOCHE	160	-----78901-----	PV400	34
253	02302	04		3	Hóa đại cương B1	5			7	HOCHE	160	12345-----	PV400	34
254	02302	04		3	Hóa đại cương B1	5			7	HOCHE	160	-----78901-----	PV400	34
255	02306	01			Hóa phân tích	0			*	HOCHE	40			56
256	02307	01			Hoá học QLĐĐ	5			2	HOCHE	50	12345-----	PV319	34
257	02307	01			Hoá học QLĐĐ	5			2	HOCHE	50	-----78901-----	PV319	34
258	02307	01			Hoá học QLĐĐ	5			3	HOCHE	50	12345-----	PV319	34
259	02307	01			Hoá học QLĐĐ	5			3	HOCHE	50	-----78901-----	PV319	34
260	02317	01			Hoá phân tích	0			*	HOCHE	138			56
261	02319	01			Hoá học cơ bản	5			5	HOCHE	59	12345-----	PV219	34
262	02319	01			Hoá học cơ bản	5			5	HOCHE	59	-----78901-----	PV219	34
263	02319	01			Hoá học cơ bản	5			6	HOCHE	59	12345-----	PV219	34
264	02319	01			Hoá học cơ bản	5			6	HOCHE	59	-----78901-----	PV219	34
265	02401	01			Môi trường và con người	0			*	HOCHE	32			3456
266	02402	01			Sinh học đại cương A1	0			*	HOCHE	175			3456
267	02406	01			Thí nghiệm sinh 1	0			*	HOCHE	60			3456
268	02406	02		2	Thí nghiệm sinh 1	0			*	HOCHE	60			
269	02414	01			Sinh học thực vật	0			*	HOCHE	29			3456
270	02506	01			Giáo dục thể chất - 1K	0			*	HOCHE	100			3456
271	02507	01			Giáo dục thể chất - 2K	0			*	HOCHE	100			3456
272	02605	01			Kinh tế học đại cương	0			*	HOCHE	35			3456
273	02622	01			Pháp luật đại cương	0			*	HOCHE	101			3
274	06123	01			Sinh hóa đại cương	0			*	HOCHE	72			3
275	13609	01		1	Anh văn 1-K	4			5	HOCHE	120	-----3456	TV101	2 5
276	13609	01		1	Anh văn 1-K	4			6	HOCHE	120	-----3456	TV101	2 5
277	13609	01		1	Anh văn 1-K	4			7	HOCHE	120	-----3456	TV101	2 5
278	13609	01		1	Anh văn 1-K	5			8	HOCHE	120	12345-----	TV101	2 5
279	13609	01		1	Anh văn 1-K	5			8	HOCHE	120	-----78901-----	TV101	2 5
280	13609	02		2	Anh văn 1-K	4			5	HOCHE	120	-----3456	TV102	2 5
281	13609	02		2	Anh văn 1-K	4			6	HOCHE	120	-----3456	TV102	2 5

Thời Khóa Biểu Lớp Hè

Lớp: HOCHE

Trang 10

STT	Mã MH	Nhóm	TH	NL	Tên môn học	Số Tiết	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Lớp	Sĩ số SV	Tiết Dạy	Phòng	Tuần Học 123456
282	13609	02		2	Anh văn 1-K	4			7	HOCHE	120	-----3456	TV102	2 5
283	13609	02		2	Anh văn 1-K	5			8	HOCHE	120	12345-----	TV102	2 5
284	13609	02		2	Anh văn 1-K	5			8	HOCHE	120	-----78901-----	TV102	2 5
285	13609	03		3	Anh văn 1-K	4			5	HOCHE	120	-----3456	TV301	2 5
286	13609	03		3	Anh văn 1-K	4			6	HOCHE	120	-----3456	TV301	2 5
287	13609	03		3	Anh văn 1-K	4			7	HOCHE	120	-----3456	TV301	2 5
288	13609	03		3	Anh văn 1-K	5			8	HOCHE	120	12345-----	TV301	2 5
289	13609	03		3	Anh văn 1-K	5			8	HOCHE	120	-----78901-----	TV301	2 5
290	13610	01			Anh văn 2K	4			2	HOCHE	61	-----3456	RD303	2 5
291	13610	01			Anh văn 2K	4			3	HOCHE	61	-----3456	RD303	2 5
292	13610	01			Anh văn 2K	4			4	HOCHE	61	-----3456	RD303	2 5
293	13610	01			Anh văn 2K	5			8	HOCHE	61	12345-----	RD303	2 5
294	13610	01			Anh văn 2K	5			8	HOCHE	61	-----78901-----	RD303	2 5

TP.HCM, Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Người lập biểu